

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 12 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2022/HNGĐ-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2022/QĐXX-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc A, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng K, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Chị Bùi Ngọc A, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Ngọc A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng K chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/02/2011. Thời kỳ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp được. Không thể tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh K nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Thanh Rõng, sinh ngày 17/3/2012, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị A yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh K có các tài sản chung sau:

+ Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích được cấp là 294,9 m² (đo đạc thực tế 304,1m²). Trên đất có căn nhà. Tổng giá trị phần đất và tài sản trên đất là 565.924.000 đồng.

+ Đất trồng lúa (hiện đang nuôi thủy sản) thuộc thửa số 848, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích được cấp giấy chứng nhận là 3.686m² (đo đạc thực tế 3.500,8m²). Phần đất này cha của anh K tặng cho, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/9/2016 do chị A, anh K đứng tên.. Trị giá đất và cây trồng trên đất là 386.488.000 đồng.

+ 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69C1-341.59, xe do anh Lê Hoàng K đứng tên chủ sở hữu, giá trị hiện tại khoảng 4.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69B1- 640.89 là tài sản có được do mẹ chị cho tiền chị để chị mua với giá 36.800.000 đồng. Đây là tài sản riêng của chị, chị không đồng ý chia.

Khi ly hôn, chị A yêu cầu nhận hai phần đất và căn nhà cùng cây trồng trên đất, chị hoàn lại anh K 1/2 giá trị tài sản. Giao xe biển số kiểm soát 69C1-341.59 cho anh K toàn quyền sở hữu, yêu cầu anh K hoàn lại chị ½ giá trị chiếc xe với số tiền 2.000.000 đồng. Chị không yêu cầu chia các vật dụng sinh hoạt trong nhà.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Hoàng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị có đăng ký kết hôn năm 2011; Anh thừa nhận anh từng có lỗi với chị A nhưng do anh bức xúc nhiều chuyện trong cuộc sống vợ chồng. Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Trường hợp chị A cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con như chị A trình bày. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Anh không đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng. Nếu chị A được quyền nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị A có các tài sản chung sau:

+ 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69C1-341.59 do anh đứng tên chủ sở hữu, trị giá khoảng 4.000.000 đồng.

+ 02 phần đất với vị trí, diện tích đất, nguồn gốc, giá trị đúng như chị A trình bày. Đất trồng lúa (anh đang nuôi thủy sản) anh và chị A được cha anh

tặng cho. Đất trồng cây lâu năm do anh và chị A nhận chuyển nhượng, trên đất có cây trồng và nhà của vợ chồng anh, nhà đang thờ mẹ anh.

Ngoài tài sản trên, anh và chị A còn có tài sản chung khác là 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69B1- 640.89, xe do chị A đứng tên chủ sở hữu, trị giá 36.000.000 đồng, chị A đang quản lý sử dụng.

Anh K yêu cầu nhận hai phần đất trên, giao lại chị A $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản; yêu cầu nhận xe mô tô biển số kiểm soát 69C1-341.59, anh hoàn lại chị 2.000.000 đồng; giao xe mô tô biển số kiểm soát 69B1- 640.89 cho chị A, chị A hoàn lại anh 18.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2022/HNGĐ-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Ngọc A về việc xin ly hôn anh Lê Hoàng K.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Rõng, sinh ngày 17/3/2012 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Hoàng K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Lê Thanh Rõng đủ 18 tuổi. Anh K không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

- Giao chị Bùi Ngọc A toàn quyền sở hữu chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69B1- 640.89.

- Giao anh Lê Hoàng K toàn quyền sở hữu chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69C1- 341.59.

- Giao anh Lê Hoàng K toàn quyền quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- + Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 09, diện tích thực tế là 3.500,8m² tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- + Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 07, diện tích thực tế là 304,1m² và căn nhà, cây trồng hiện có trên đất tọa lạc tại Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Buộc anh K hoàn lại cho chị Bùi Ngọc A số tiền 460.206.000 đồng.

Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Hoàng K hoàn trả lại cho chị Bùi Ngọc A số tiền 11.202.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/10/2022 nguyên đơn chị Bùi Ngọc A kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị được quyền quản lý, sử dụng thửa

đất số 461, tờ bản đồ số 07, diện tích thực tế 304,1m² và căn nhà, cây trồng hiện có trên đất tọa lạc Ấp T, xã Hoà Thành, thành phố C, chị A sẽ hoàn trả giá trị là 282.962.000 đồng cho anh K; không chấp chia đôi giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-640.89.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, Bùi Ngọc A giữ nguyên nội dung kháng cáo, hai mẹ con hiện thuê nhà, nên cần có nơi ở, yêu cầu được nhận phần đất có căn nhà.

Bị đơn Lê Hoàng K trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, không thống nhất yêu cầu kháng cáo của chị A.

Ngoài ra, hai đương sự yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để tự lập thủ tục tặng cho con chung hai phần đất. Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng hai đương sự không thỏa thuận được vì lý do anh K không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Bùi Ngọc A; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bản án sơ thẩm quyết định: chị Bùi Ngọc A ly hôn với Lê Hoàng K; giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi, anh K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng; chia tài sản. Chị A kháng cáo bản án sơ thẩm về chia tài sản.

[2]. Xem xét kháng cáo của Bùi Ngọc A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị được nhận thửa đất số 461, tờ bản đồ số 07, diện tích thực tế 304,1m² và căn nhà, cây trồng hiện có trên đất tọa lạc Ấp T, xã Hoà Thành, thành phố C, chị A sẽ hoàn trả ½ giá trị cho anh K

Qua xem xét toàn diện hồ sơ vụ án thể hiện chị A, anh K xác nhận có tài sản chung là hai phần đất: *Phần thứ nhất*, là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/9/2016 diện tích là 294,9 m² (đo đạc thực tế diện tích 304,1m²). Trên đất có căn nhà, cây trồng, tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 565.924.000 đồng; phần đất thứ hai, là đất trồng lúa (hiện đang nuôi thủy sản) thuộc thửa số 848, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, được cấp giấy chứng nhận ngày 12/9/2016 diện tích 3.686,3m² (đo đạc thực tế diện tích 3.500,8m²). Trị giá quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất là 386.488.000 đồng.

Như vậy, hai đương sự có tài sản chung là hai phần đất tại hai ấp khác nhau, bản án sơ thẩm giao hết hai phần đất cho anh K, chị A nhận giá trị, chị A

không đồng ý; Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn chị A phải trực tiếp nuôi con, mẹ con chị cần có chỗ ở, trong khi anh K làm nghề nuôi trồng thủy sản, trên phần đất trồng lúa (hiện đang nuôi thủy sản) tại ấp Hòa Trung giao cho Khải để anh tiếp tục nuôi tôm là phù hợp, phần đất này có diện tích đo đạc thực tế 3.500,8m² thì anh K vẫn có thể san lấp mặt bằng xây cất nhà để ở, chứ không phải nhất thiết giao phần đất có căn nhà cho anh K với mục đích để cho anh K tiện sinh hoạt trong cuộc sống trong khi một người được nhận hai phần đất, còn người kia có nhu cầu nhà ở lại không được nhận phần đất nào, như vậy không phù hợp với thực tế và gây bất lợi cho phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn; tại cấp sơ thẩm, chị A không cung cấp thông tin về việc mẹ con chị cần nơi ở, hiện đang thuê nhà, do vậy cấp sơ thẩm không có lỗi khi giao hai phần đất cho anh K.

Tại cấp phúc thẩm, chị A xác nhận cần có nhà ở để mẹ con ổn định cuộc sống; do đó, chấp nhận kháng cáo của chị A, chị được nhận đất trồng cây lâu năm trên đất có căn nhà và cây trồng, đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị là 565.924.000 đồng. Buộc anh K giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho chị A, chị A giao cho anh K ½ giá trị bằng 282.962.000 đồng.

[3]. Xét kháng cáo về việc không đồng ý chia đôi giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-640.89

Theo như chị A trình bày, tiền mua xe mẹ ruột chị cho nhưng chị không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, trong khi đó chiếc xe mua trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ khoản 3 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình : *“Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”*. Do chị A không đưa ra được căn cứ pháp lý chứng minh chiếc xe là tài sản riêng của chị, cho nên kháng cáo này của chị không được chấp nhận, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-640.89 là tài sản chung của anh chị như bản án sơ thẩm nhận định và quyết định là có căn cứ.

[4]. Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5]. Do sửa một phần bản án sơ thẩm, chị A được nhận quyền sử dụng đất và giao lại giá trị cho anh K, cho nên số tiền đối với giá trị tài sản các đương sự được nhận có khác so với án sơ thẩm tuyên.

5.1. Chị A nhận các tài sản có tổng giá trị tài là 601.924.000 đồng, gồm:

- Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-640.89 trị giá 36.000.000 đồng, chị A giao cho anh K ½ giá trị bằng 18.000.000 đồng.

- Phần đất và nhà ở, cây trồng Ấp T, Tổng giá trị phần đất và tài sản trên đất là 565.924.000 đồng., chị A giao cho anh K ½ giá trị bằng 282.962.000 đồng.

5.2. Anh K nhận các tài sản có tổng giá trị 390.488.000 đồng, gồm:

- Chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69C1- 341.59, giá 4.000.000 đồng, anh K giao cho chị A là 2.000.000 đồng.

- Đất trồng lúa (hiện đang nuôi thủy sản) tại ấp Hòa Trung, trị giá đất và cây trồng trên đất là 386.488.000 đồng. Anh K giao chị A $\frac{1}{2}$ giá trị bằng 193.244.000 đồng.

Giá trị tài sản chị A, anh K mỗi người được nhận là 496.206.000 đồng, chị A nhận tài sản có giá trị cao hơn, nên phải hoàn lại cho anh K số tiền 105.718.000 đồng.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị A, tuy nhiên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo với những căn cứ nhận định trên.

[8]. Án phí phúc thẩm chị A không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[9]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Bùi Ngọc A về yêu cầu nhận quyền sử dụng đất có căn nhà, không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-640.89 là tài sản riêng của chị; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2022/HNGĐ-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 157, 165, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Ngọc A về việc xin ly hôn anh Lê Hoàng K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thanh Ròng, sinh ngày 17/3/2012 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Hoàng K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Lê Thanh Ròng đủ 18 tuổi.

Anh K không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung

3.1. Giao chị Bùi Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Ấp T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau

diện tích được cấp 294,9m² (diện tích đo đạc thực tế là 304,1m²) do Lê Hoàng K, Bùi Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 889007 ngày 06/9/2016, trên đất có căn nhà, cây trồng. Phần đất có vị trí tiếp giáp: phía đông giáp lộ Cà Mau – Hoà Trung; phía Tây giáp đất Nguyễn Minh Lê; phía Bắc giáp đất Nguyễn Thái Phong, phía Nam giáp đất Đặng Hồng Sáng; và một chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69B1- 640.89.

Hiện anh K đang ở trên phần đất có căn nhà. Buộc anh K giao cho chị A quyền sử dụng đất (trên đất có căn nhà và cây trồng) và các giấy tờ liên quan đến tài sản mà chị A được nhận.

3.2. Giao anh Lê Hoàng K được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp Hòa Trung, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích được cấp 3686,3m² (diện tích đo đạc thực tế là 3.500,8m²) do Lê Hoàng K, Bùi Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 889086 ngày 12/9/2016. Phần đất có vị trí tiếp giáp: phía Đông và phía Tây giáp đất Trần Thị Nga, phía Bắc giáp đất Lê Văn Long, phía Nam giáp đất Phan Kim Phụng, Trần Thị Nga; và một chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 69C1- 341.59.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 13/7/2022 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam)

Buộc chị A hoàn trả lại cho anh K chênh lệch từ chia tài sản chung số tiền 105.718.000 đồng. Anh K được nhận số tiền từ chị A giao là 105.718.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng).

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Hoàng K hoàn trả lại cho chị Bùi Ngọc A số tiền 11.202.000 đồng (mười một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

Trường hợp chị A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho anh K; và anh K chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên (nghĩa vụ cấp dưỡng và tiền chi phí tố tụng) cho chị A thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Bùi Ngọc A phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung chị A phải chịu 23.848.000 đồng. Ngày 12/4/2022, chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 10.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai thu số 0001140) được đối trừ. Chị A còn phải nộp tiếp 13.848.000 đồng

- Án phí cấp dưỡng anh Lê Hoàng K phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung anh K phải chịu 23.848.000 đồng. Tổng số tiền án phí anh K phải nộp là 24.148.000 đồng (chưa nộp).

7. Án phí phúc thẩm: chị A không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002061 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

8. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

